

## CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (HSX: KDH)

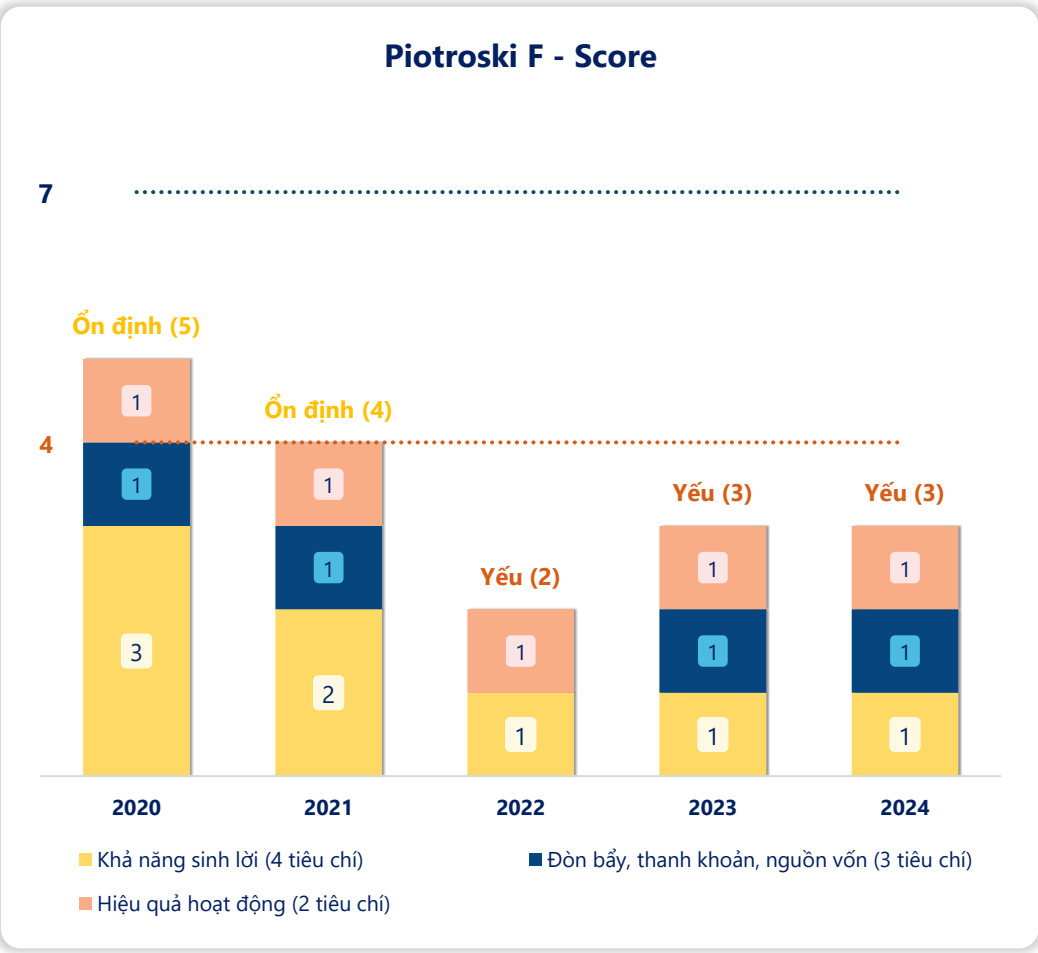
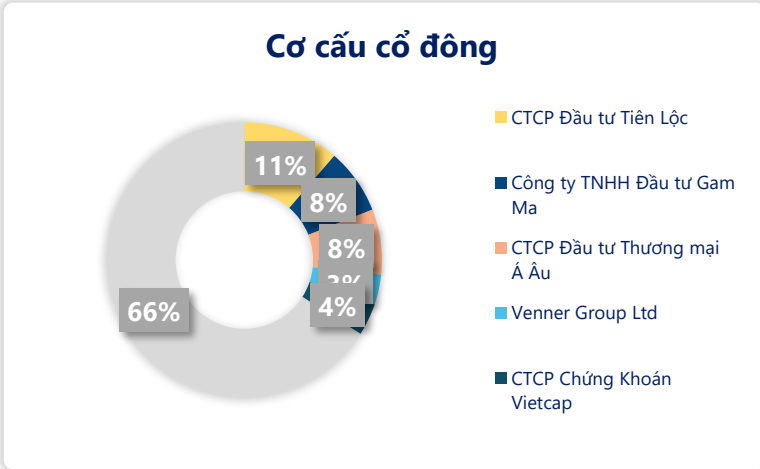
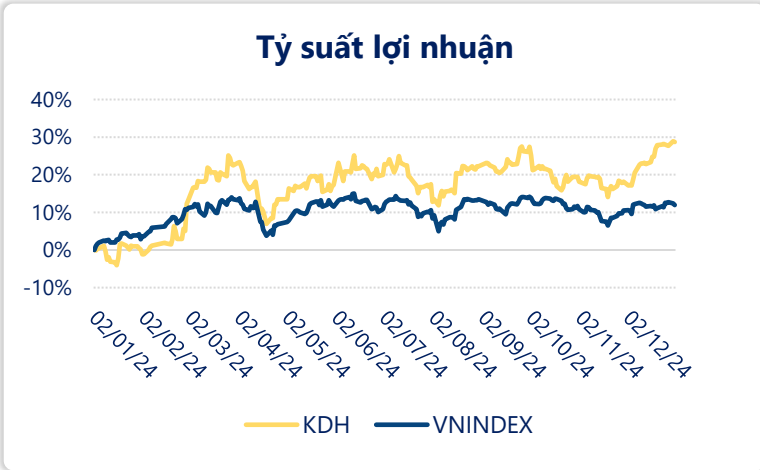
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	36,100 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.9%	5.2%	6.7%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	3/9
2024	(Yếu)

DT thuần	2024
3,279	YoY
tỷ VNĐ	▲ 1,191
	▲ 57.0%

LN sau thuế	2024
803	YoY
tỷ VNĐ	▲ 73.0
	▲ 10.1%

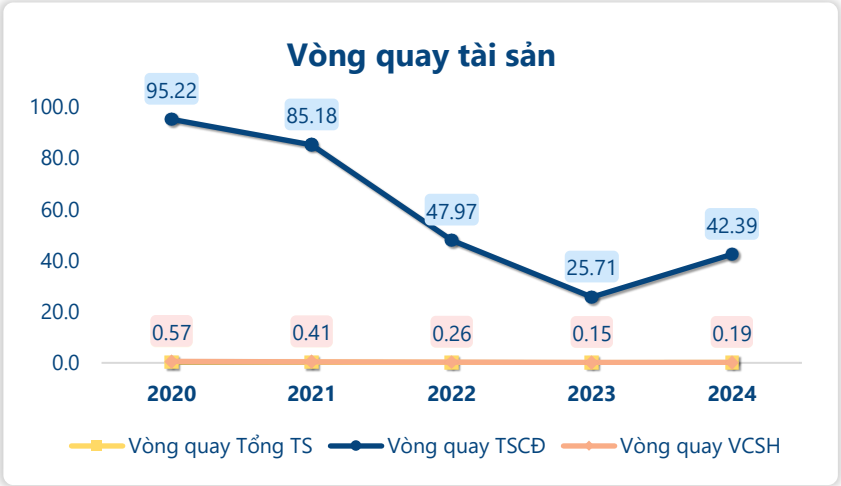
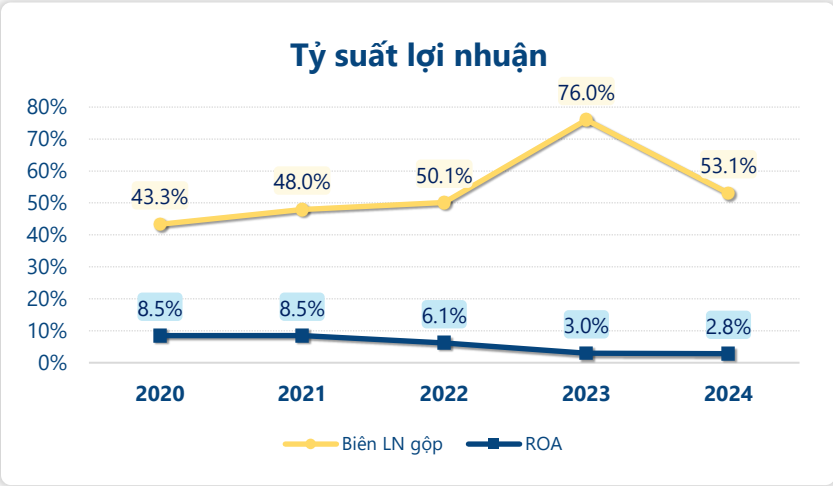
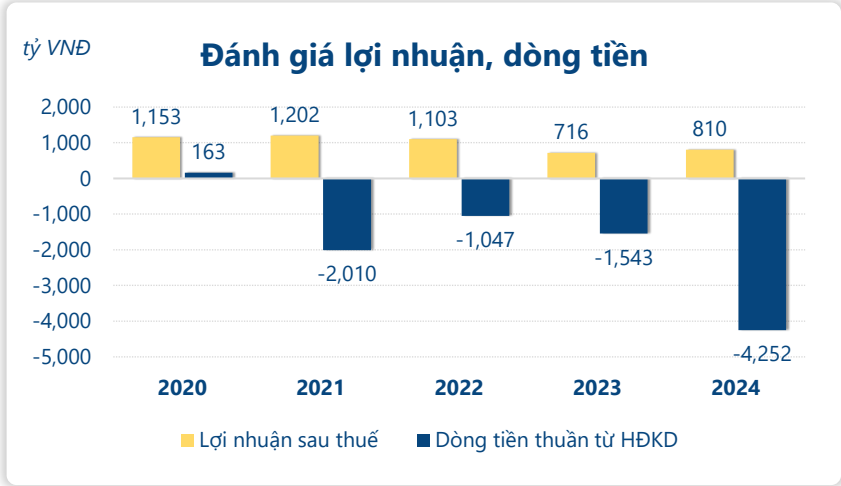


Năm 2024, F-Score của KDH đạt 3/9 không đổi so với năm trước cho thấy sức khỏe tài chính chưa được cải thiện vẫn được đánh giá ở mức "Yếu".

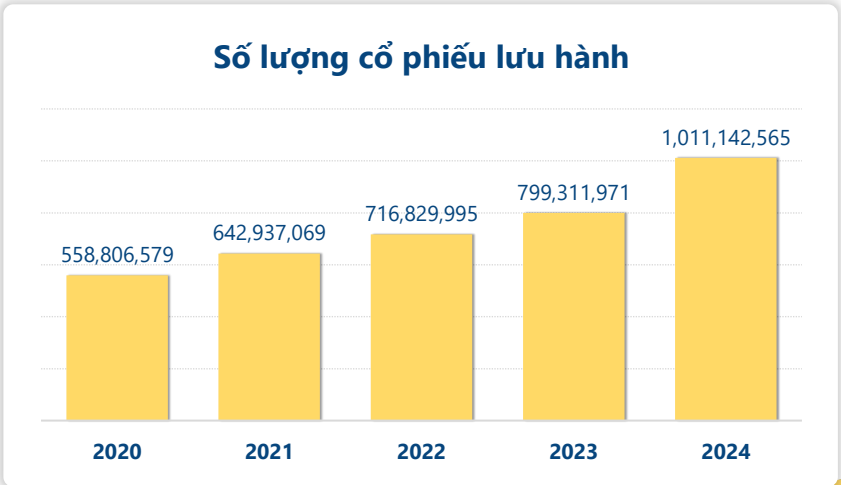
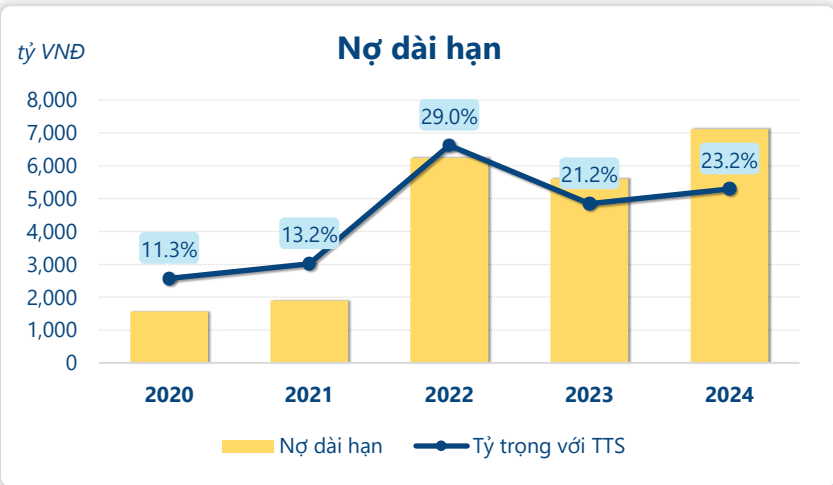
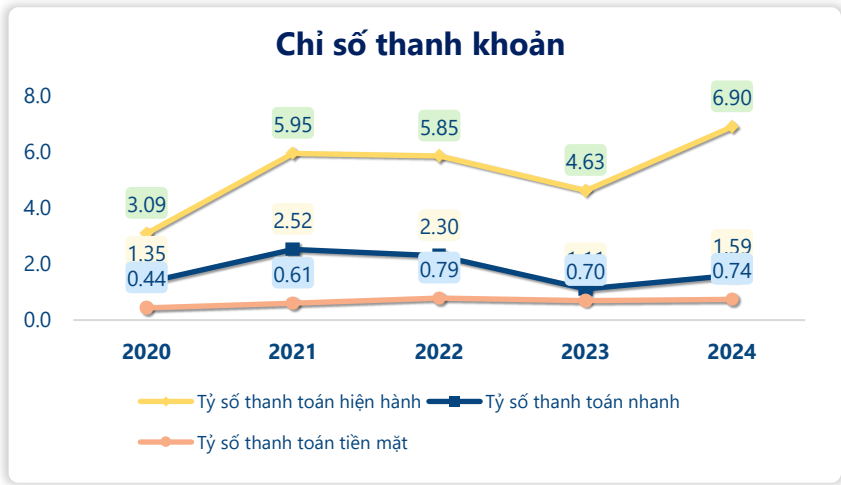
Trong đó, khả năng sinh lời không đổi đạt 1/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn không thay đổi vẫn ở mức 1/3 điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm 1/2 ở mức ổn định so với năm trước.

F-Score ở mức yếu là một tín hiệu xấu cho thấy sự đáng lo ngại về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Phản ánh tình trạng không ổn định và rủi ro tài chính cao.

## CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (HSX: KDH)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **KDH**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản tăng có thể tạo ra mức độ phụ thuộc cao hơn vào vốn vay dài hạn, làm tăng rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có thể phản ánh chiến lược tài chính hoặc nhu cầu vốn vay để đầu tư và mở rộng hoạt động. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
<b>Tổng tài sản</b>	<b>30,753</b>	<b>26,481</b>	<b>16.1%</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>28,840</b>	<b>24,737</b>	<b>16.6%</b>
Tiền và tương đương tiền	3,096	3,730	-17.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	277	8.52	3148%
Phải thu ngắn hạn	3,013	1,831	64.6%
Hàng tồn kho	22,180	18,787	18.1%
Tài sản ngắn hạn khác	276	381	-27.7%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>1,913</b>	<b>1,744</b>	<b>9.7%</b>
Phải thu dài hạn	69.0	75.9	-9.1%
Tài sản cố định	73.3	81.3	-9.8%
Bất động sản đầu tư	233	131	78.1%
Tài sản dở dang	1,027	933	10.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	12.0	-100%
Tài sản dài hạn khác	<b>510</b>	<b>511</b>	<b>-0.2%</b>
Lợi thế thương mại	0	0	
<b>Nợ phải trả</b>	<b>11,302</b>	<b>10,958</b>	<b>3.1%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>4,179</b>	<b>5,346</b>	<b>-21.8%</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,100	1,444	-23.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	288	92.1	213%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>7,123</b>	<b>5,612</b>	<b>26.9%</b>
Vay và nợ thuê dài hạn	5,998	4,901	22.4%
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>19,450</b>	<b>15,523</b>	<b>25.3%</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19,450</b>	<b>15,523</b>	<b>25.3%</b>
Vốn điều lệ	10,111	7,993	26.5%
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4,532</b>	<b>3,738</b>	<b>2,912</b>	<b>2,088</b>	<b>3,279</b>
Giá vốn hàng bán	2,568	1,945	1,452	501	1,538
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1,964</b>	<b>1,794</b>	<b>1,460</b>	<b>1,587</b>	<b>1,740</b>
Doanh thu HĐTC	35.0	20.9	17.7	49.7	37.3
Chi phí TC	84.7	72.7	91.0	148	216
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>0</b>	<b>15.9</b>	<b>9.35</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	247	205	175	162	222
Chi phí QLDN	169	182	219	205	209
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>1,498</b>	<b>1,355</b>	<b>992</b>	<b>1,122</b>	<b>1,131</b>
Lợi nhuận khác	-39.1	185	419	-52.7	-79.6
<b>LN trước thuế</b>	<b>1,458</b>	<b>1,540</b>	<b>1,411</b>	<b>1,069</b>	<b>1,051</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1,154</b>	<b>1,205</b>	<b>1,082</b>	<b>730</b>	<b>803</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>1,153</b>	<b>1,202</b>	<b>1,103</b>	<b>716</b>	<b>810</b>

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	163	-2,010	-1,047	-1,543	-4,252
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.8	-106	-797	2,813	-314
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	486	1,646	3,231	-293	3,932
Tiền đầu kỳ	1,175	1,836	1,365	2,753	3,730
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>661</b>	<b>-470</b>	<b>1,387</b>	<b>977</b>	<b>-634</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,836	1,365	2,753	3,730	3,096